TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2018/DS-ST
Ngày: **30/5/2018**
V/v tranh chấp *"Hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Tàu**
2. Ông **Nguyễn Văn Sang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung-** Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C *tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Văn Quốc**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 257/2017/TLST-DS ngày 04/12/2017 về tranh chấp "*Hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/QĐST- DS ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **HUỲNH KIM H;** Sinh năm: 1959. Địa chỉ: khu vực Q, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Bà **TRẦN THỊ MỘNG H1.** Vắng mặt.

Ông **NGUYỄN THANH C.** Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu vực H, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 21/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Kim H trình bày*:**

Bà có tham gia dây hụi tháng **2.000.000đ** do bà Trần Thị Mộng H1 làm chủ hụi. Hụi mở ngày 30/4/2016, mãn ngày 30/6/2017. Dây hụi có 15 phần, bà tham gia 03 phần và hốt chốt.

Quá trình thực hiện hợp đồng: bà đã đóng hụi sống đầy đủ đến mãn hụi. Ngày 25/5/2017, bà H1 giao một phần hụi **23.000.000đ** cho bà; ngày 18/6/2017, bà

H1 giao thêm một phần hụi **23.000.000đ** và còn nợ lại 01 phần hụi **23.000.000đ** cho đến nay.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Mộng H1 và ông Trần Thanh C phải trả cho bà tiền hụi còn thiếu là **23.000.000đ**.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị Mộng H1 cho rằng: thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về dây hụi, thời gian chơi hụi, số tiền hụi đã giao nhận là đúng. Hiện tại bà còn nợ lại bà H số tiền hụi là **23.000.000đ**. Bà đồng ý trả số tiền này cho bà H; tuy nhiên, hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình bà khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng **500.000đ**.

Việc giao dịch hụi giữa bà và các hụi viên thì chồng bà là ông Trần Thanh C không biết. Đây là số nợ riêng của bà, không có liên quan đến chồng bà.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Thanh C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự;

- **Về việc giải quyết vụ án**: Theo nội dung vụ án, nguyên đơn là hụi viên yêu cầu bà H1 là chủ hụi phải trả số tiền nợ hụi còn thiếu **23.000.000đ**, không yêu cầu tính lãi và không đồng ý cho bị đơn trả dần; còn bị đơn là bà H1 đã thừa nhận có nợ tiền hụi của nguyên đơn và đồng ý trả số nợ này nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng **500.000đ**. Xét thấy, bà H1 đã thừa nhận số tiền nợ hụi còn thiếu của nguyên đơn là đúng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; đối với yêu cầu xin trả dần của bà H1, do không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận cho yêu cầu trả dần của bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H1 phải trả cho bà H số tiền còn nợ **23.000.000đ**, không tính lãi suất.

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Trần Thanh C cùng chịu trách nhiệm trả nợ: xét thấy nguyên đơn không chứng minh được khi giao dịch hụi có ông C cùng tham gia hay số tiền hụi này sẽ được phục vụ kinh tế thiết yếu của gia đình. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét mối quan hệ pháp luật: đây là vụ kiện tranh chấp "*Hụi*" được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H1 phải trả số tiền nợ *hụi còn thiếu **23.000.000đ**; Hội đồng xét xử xét thấy*:

Phía bị đơn là bà Trần Thị Mộng H1 thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về dây hụi, thời gian chơi hụi, số tiền hụi đã giao nhận và hiện tại bà H1 còn nợ tiền hụi của bà H số tiền **23.000.000đ** là đúng. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hiện tại bà H1 còn nợ tiền hụi của nguyên đơn số tiền **23.000.000đ** là sự thật, không cần phải chứng minh. Do hụi đã mãn, hụi viên là bà H đã góp đủ tiền hụi sống cho bà H1 nhưng bà H1 là chủ hụi không giao tiền hụi theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chủ hụi là bà H1 phải trả số tiền nợ hụi còn thiếu là có cơ sở.

Do đó, cần buộc bà H1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi còn thiếu là **23.000.000đ.**

[2] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, khi bà H tham gia hụi của bà H1 thì không có ông C cùng tham gia, bà H cũng không thông báo cho ông C về việc này. Hơn nữa, không có cơ sở để cho rằng bà H1 sử dụng tiền hụi phục vụ kinh tế thiết yếu của gia đình nên không có có cơ sở buộc ông C cùng chịu trách nhiệm trả nợ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông C cùng chịu trách nhiệm trả nợ là không có cơ sở, không được chấp nhận.

*[4] Xét yêu cầu của bị đơn là bà H1 về việc yêu cầu trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng **500.000đ***; Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận; hơn nữa, khả năng trả nợ của bị đơn sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận cho yêu cầu trả dần của bị đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí: **23.000.000đ** x 5% = **1.150.000đ.**

Do một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Trần Thanh C cùng chịu trách nhiệm trả nợ là không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí **300.000đ**.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà **Trần Thị Mộng H1** phải trả cho bà **Huỳnh Kim H** số tiền hụi còn thiếu là **23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).**

Kể từ khi bà Huỳnh Kim H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Mộng H1 còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là ông Trần Thanh C phải cùng bị đơn là bà Trần Thị Mộng H1 chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

3. **Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm**:

Bà Trần Thị Mộng H1 phải chịu **1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).**

Nguyên đơn phải chịu **300.000đ** án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp **575.000đ**. Nguyên đơn được nhận lại **275.000đ** tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai số 006133 ngày 29/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

4. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang